

Số: 308/2025/QĐST-VHN&GD

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55; 57; 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/5/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Nguyễn Đức T**, sinh năm 1967; ĐKKHKT và nơi ở: Thôn S, xã Y, huyện T, thành phố Hà Nội;

- **Chị Phạm Thị C**, sinh năm 1970; ĐKKHKT và nơi ở: Căn hộ 422 A1-TT G, phường G, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/1996 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số: 40; Quyền số: 11). Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 07/11/1996 và Nguyễn Đức Thuận A, sinh ngày 29/9/2004. Cả 02 (Hai) con chung đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị Chính thống N để anh Nguyễn Đức T chịu cả 300.000 nghìn đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy các thoả thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C.

- Về con chung: Cả 02 (Hai) con chung đã trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị C: Để anh Nguyễn Đức T chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Nguyễn Đức T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031497 ngày 13/5/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Cơ quan nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Hạnh

